Học vần

Bài 24 qu r

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các chữ qu, r; đánh vần, đọc đúng tiếng có qu, r.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có qu, r.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Quà quê.*

- Biết viết các chữ, tiếng (trên bảng con): qu, r, quả (lê); rổ(cá)

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1.GV**

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập hoặc tranh ảnh, mẫu vật, vật thật.

- Bảng con, phấn, bút dạ để học sinh làm bài tập 4 (tập viết).

**2.HS**

- Vở Bài tập Tiếng Việt .

- Bảng con, phấn viết.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
|  | **1.Mở đầu** |  |
| **5’** | **1.1.Khởi động**  Trình chiếu phần Khởi động gồm các yêu cầu sau |  |
|  | GV kiểm tra 2 cả lớp viết bảng con, đọc các chữ pi a nô, phố . | -Hs cả lớp viết bảng con, đọc các chữ pi a nô, phố |
| **32’** | **1.2. Giới thiệu bài:** âm và chữ qu, r.  GV chỉ chữ qu, nói: qu (quờ. / Làm tương tự với r (rờ).  GV giới thiệu chữ Q, R in hoa. | - HS: qu(quờ)  - HS: r (rờ) |
|  | **2. Hình thành kiến thức mới** |  |
| **18’** | **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
|  | **2.1)Âm qu và chữ qu**  - Cho học sinh quan sát hình quả lê.  - Đây là quả gì?  Giảng từ: Lê là loại quả rất thơm và ngọt.  - GV viết bảng **quả lê.**  - GV:Trong tiếng **quả** có âm gì đã học?  -Phân tích tiếng **quả.**  - GV chỉ tiếng **quả**; yêu cầu HS đánh vần tiếng **quả**.  -Yêu cầu HS đọc trơn tiếng **quả**  - Yêu cầu HS đọc trơn từ **quả lê.** | HS nhìn hình, nói: quả lê.  - Trong tiếng quả có âm **a**, **dấu hỏi** đã học.  - Phân tích tiếng quả: gồm âm qu (quờ) và âm a, dấu hỏi đặt trên a.  -HS nhìn mô hình, đánh vần: quờ - a - qua - hỏi - quả  - HS đọc trơn tiếng **quả.**  HS (cá nhân, cả lớp) đọc: quả lê |
|  | **2.2)Âm r và chữ r:**  - Cho học sinh quan sát màn hình .  - Đây là cái gì?  - GV viết bảng rổ cá.  - GV:Trong tiếng rổ có âm gì, dấu gì đã học?  -Phân tích tiếng rổ.  - GV chỉ tiếng rổ; yêu cầu HS đánh vần tiếng rổ.  -Yêu cầu HS đọc trơn tiếng rổ  - Yêu cầu HS đọc trơn từ rổ cá.  GV chỉ các âm, từ khoá vừa học. | Quan sát.  HS nói: rổ cá.  - Trong tiếng rổ có âm ô, dấu hỏiđã học.  Tiếng rổ có âm r (rờ). / Phân tích tiếng rổ. / Đánh vần và đọc tiếng: rờ - ô - rô - hỏi - rổ / rổ.  / rờ - ô - rô - hỏi - rổ / rổ cá. |
| **14’** | **3.Luyện tập – Thực hành** |  |
|  | **3.1.Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm qu? Tiếng nào có âm r?)  (Như những bài trước). Cuối cùng, GV chỉ từng chữ, cả lớp: Tiếng (cá) quả có âm qu. Tiếng rá có âm r,...  **3.2.Tập đọc** (BT 3)  a)GV giới thiệu:  Bài đọc kể về những món quà quê. Quà quê là thứ quà do người nông dân tự tay nuôi, trồng, làm ra để ăn, để biếu, cho, tặng người thân. Đó là những món quà giản dị, quen thuộc nhưng bây giờ luôn là những món quà quý vì ngon, lạ và sạch sẽ, an toàn.  b)GV đọc mẫu.  Sau đó, GV chỉ hình mình hoạ, giới thiệu cá rồ (còn gọi là cá rô đồng), cá quả - là những loài cá rất quen thuộc với người Việt Nam. Gà ri: loại gà nhỏ, chân nhỏ, thấp, thịt rất thơm ngon.  c)Luyện đọc từ ngữ: *quà quê, Quế, rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả.*  Nhận xét-Uốn nắn choHS | HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có qu (quê, quà, quen, quỳnh,...); có r (ra, rể, rao, rồi, rung, rụng,...).  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - Hs luyện đọc từ khó: quà quê, Quế, rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả.  Cá nhân đọc/Lớp đọc |
|  | **Hết tiết 1** |  |
| **18’**  **15’** | **3.2.Tập đọc** (BT 3- tiếp theo)  d)Luyện đọc câu  GV: Bài có 4 câu.  GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng  e)Đọc tiếp nối từng câu.  GV sửa lỗi phát âm cho HS.  Thi đọc từng đoạn, cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  GV nêu YC.  - Bà cho nhà Quế quà gì?  \* Cả lớp đọc lại nội dung 2 trang sách của bài 24.  **3.3. Tập viết** (bảng con - BT 4/15 phút)  GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  Chữ qu: là chữ ghép từ q và u. Viết q: cao 4 li, 1 nét cong kín, 1 nét thẳng đứng. Viết u: 1 nét hất, 2 nét móc ngược.  Chữ r: cao hơn 2 li một chút; là kết họp của 3 nét cơ bản: 1 nét thắng xiên, 1 nét thắt (tạo thành vòng xoắn), 1 nét móc hai đầu (đầu trái cao lên, nối liền nét thắt).  Tiếng **quả:** viết **qu** trước, **a** sau, dấu hỏi đặt trên **a. /** Tiếng **lê:** viết **1** trước, **ê** sau.  Tiếng **rổ:** viết **r** trước, **ô** sau, dấu hỏi đặt trên **ô. /** Tiếng **cá:** viết **c** trước, **a** sau, dấu sắc đặt trên a. | - 1 HS, cả lớp.  - Cá nhân, từng cặp.  Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (2 câu / 2 câu).  Các cặp, tổ thi đọc cả bài. / 1 HS đọc cả bài. / Cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).  HS quan sát tranh để trả lời câu hỏi.  HS nhìn hình trả lời: Bà cho nhà Quế quà là *khế, mơ, cả rô, cả quả, gà ri.*  -Hs đọc( Cá nhân thi đọc: 3-4 em)  -Lớp đọc( 1 lần)  HS nhìn bảng đọc các chữ, tiếng: *qu, quả lê, r, rổ cá.*  - Hs quan sát  ǰǰǰǰǰǰ  qu quả lê  ς ςổ cá  ǰǰǰǰǰǰ  ǰǰǰǰǰǰ  ǰǰǰǰǰǰ  HS viết: **qu, r** (2 lần). / Viết: **quả** (lê), **rổ** (cá). |
| **2’** | **4. Hoạt động vận dụng** |  |
|  | - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 25( s,x)  - GV khuyến khích HS tập viết chữ **qu, r**, **quả,** **rổ** trên bảng con  GV nhắc HS về nhà kể cho người thân nghe tên các thứ quà quê các em vừa học. | Lắng nghe. |
|  | Hết tiết 2 |  |

IV.Điều chỉnh sau bài dạy